

NHẬN THỨC, NĂNG LỰC VÀ NHU CẦU RÈN LUYỆN KỸ NĂNG MỀM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Tư Hậu

Khoa Xã hội học và Công tác Xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tuhauxhh@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/3/2026; ngày hoàn thành phản biện: 6/4/2026; ngày duyệt đăng: 22/6/2026

TÓM TẮT

Bài báo phân tích thực trạng, mức độ thành thạo và nhu cầu rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, dựa trên dữ liệu khảo sát 170 sinh viên và 55 giảng viên năm 2025. Kết quả cho thấy mặc dù phần lớn sinh viên nhận thức rõ tầm quan trọng của kỹ năng mềm (96,5%), mức độ thành thạo thực tế vẫn còn hạn chế và không đồng đều giữa các nhóm kỹ năng. Sinh viên đánh giá cao nhất ở kỹ năng làm việc nhóm, trong khi các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và giải quyết xung đột chỉ đạt mức trung bình. Đáng chú ý, tỷ lệ sinh viên tự tin vào năng lực của bản thân còn thấp. Khoảng 70% sinh viên bày tỏ nhu cầu được đào tạo bài bản và toàn diện về kỹ năng mềm. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số hàm ý đối với nhà trường và giảng viên nhằm nâng cao năng lực thực hành xã hội và khả năng thích ứng của sinh viên với thị trường lao động.

Từ khóa: Kỹ năng mềm, năng lực sinh viên, nhu cầu đào tạo, giáo dục đại học.

1. MỞ ĐẦU

Trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu và tác động của Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, yêu cầu đối với nguồn nhân lực không chỉ dừng lại ở trình độ chuyên môn (kỹ năng cứng) mà còn đặc biệt nhấn mạnh vào năng lực thực hành xã hội hay kỹ năng mềm (KNM). Nhiều nghiên cứu Xã hội học và giáo dục học trên thế giới đã khẳng định: kiến thức chuyên môn chỉ đóng góp khoảng 15-25% vào sự thành công, trong khi 75-85% còn lại phụ thuộc vào các kỹ năng thực hành xã hội và trí tuệ cảm xúc [5].

Tại Việt Nam, Chính phủ đã phê duyệt Đề án 123/QĐ-LĐTBXH (31/01/2024) về "Đào tạo và phát triển kỹ năng mềm cho thanh niên và học sinh, sinh viên" nhằm chuẩn bị hành trang gia nhập thị trường lao động [7]. Tuy nhiên, thực trạng chung hiện nay là sinh viên

ra trường thường rơi vào tình trạng "*giàu lực lượng nhưng nghèo kỹ năng*", dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm hoặc thích nghi với môi trường chuyên nghiệp [7].

Trường Đại học khoa học, Đại học Huế (ĐHKH Huế) với đặc thù đào tạo đa ngành từ khoa học cơ bản đến kỹ thuật công nghệ, đã tiên phong đưa học phần KNM vào chương trình đào tạo bắt buộc từ năm 2018 với 02 tín chỉ và tăng lên thành 3 tín chỉ trong chương trình đào tạo của các ngành từ năm 2021 đến nay (mã HP: KNM1013) [7]. Mặc dù đã có những bước tiến đáng kể trong công tác bồi dưỡng giảng viên và tổ chức lớp học, nhưng hiệu quả thực tế vẫn cần được đánh giá một cách hệ thống từ góc nhìn của cả người dạy và người học. Bài báo này tiếp cận thực trạng từ thực tiễn đào tạo tại cơ sở nhằm tìm ra lời giải cho bài toán nâng cao năng lực kỹ năng mềm cho sinh viên ĐHKH Huế hiện nay.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (Mixed Methods):

Định lượng: Sử dụng phiếu khảo sát cấu trúc với 170 sinh viên và 55 giảng viên tại Trường ĐHKH Huế trong năm học 2024-2025. Thông tin được thu thập online, phiếu khảo sát được soạn trên Google Form và gửi đường link tới sinh viên, giảng viên thông qua kênh từ các Khoa gửi tới sinh viên và giảng viên. Sinh viên và giảng viên được khuyến khích tham gia trả lời nghiên cứu một cách tự nguyện.

Định tính: Thực hiện 4 cuộc phỏng vấn sâu với sinh viên đa dạng ngành học và 4 cuộc phỏng vấn sâu với giảng viên, kết hợp 01 phỏng vấn bán cấu trúc cán bộ quản lý Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên để thu thập thông tin liên quan đến quá trình triển khai học phần Kỹ năng mềm tại Trường.

Với cách sử dụng phương pháp hỗn hợp đã giúp nghiên cứu có được thông tin nhiều chiều và đa dạng, vì vậy kết quả nghiên cứu có ý nghĩa đóng góp cơ sở thực tiễn cho những giải pháp thay đổi trong tương lai, giúp sinh viên cải thiện và nâng cao kỹ năng mềm.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Nội dung nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá thực trạng và xác định nhu cầu nâng cao kỹ năng mềm của sinh viên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Nghiên cứu đi sâu vào phân tích thực trạng kỹ năng mềm hiện có của sinh viên, cụ thể là 3 nhóm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình dựa trên dữ liệu sinh viên tự đánh giá bản thân và đánh giá của giảng viên để chỉ ra những thế mạnh và hạn chế cụ thể. Song song đó, nghiên cứu thực hiện khảo sát nhằm làm rõ mong muốn và nhu cầu thực tế của sinh viên trong việc hoàn thiện các kỹ năng này. Dựa trên kết quả

thu được, nghiên cứu sẽ đề xuất các giải pháp khả thi giúp Nhà trường và sinh viên nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động. Toàn bộ quá trình nghiên cứu được thực hiện xuyên suốt năm 2025.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Nhận thức và năng lực kỹ năng mềm của sinh viên

4.1.1. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kỹ năng mềm

Kết quả khảo sát 170 sinh viên cho thấy một tín hiệu rất tích cực về mặt ý thức: 93,5% sinh viên hiểu đúng KNM là những kỹ năng liên quan đến thái độ, hành vi và khả năng làm việc với người khác. Nhận thức về tầm quan trọng, có tới 96,5% sinh viên đánh giá KNM là "*rất quan trọng*" và "*quan trọng*" đối với bản thân [6]. Khảo sát nhóm 55 giảng viên cũng cho thấy sự đồng nhất quan điểm này với 74,5% đánh giá ở mức cao nhất, khẳng định KNM là một phần không thể tách rời trong đào tạo Đại học [7]. Lợi ích lớn nhất mà sinh viên kỳ vọng khi thành thạo KNM là "*tăng sự tự tin trong giao tiếp*" (145 lượt chọn) và "*tăng cơ hội việc làm sau tốt nghiệp*" (126 lượt chọn) [6].

Như vậy, phần lớn sinh viên (93,5%) đã có nhận thức tương đối chính xác khi xác định kỹ năng mềm là những năng lực liên quan đến thái độ, hành vi và cách thức tương tác với người khác thay vì kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ vẫn còn sự nhầm lẫn giữa kỹ năng mềm với kỹ năng cứng khi xem đây là việc sử dụng công nghệ văn phòng (4,1%) hoặc kiến thức chuyên môn phục vụ ngành học (1,2%) [6]. Dù bước đầu đã nhận diện được bản chất phi kỹ thuật của nhóm kỹ năng này, thực tế vẫn cần các hoạt động giáo dục để chuẩn hóa nhận thức đầy đủ và toàn diện hơn cho sinh viên.

Bên cạnh đó, khi cả giảng viên và sinh viên đều coi KNM là "*không thể tách rời*", là quan trọng trong việc tăng sự tự tin trong giao tiếp, tăng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, việc triển khai các phương pháp đào tạo tích cực sẽ nhận được sự hợp tác tự nguyện từ cả hai phía, thay vì mang tính ép buộc.

Sinh viên nhận thức cao về tầm quan trọng của kỹ năng mềm và có hiểu biết về khái niệm KNM nhưng mức độ tự tin của họ trong thực tế vẫn còn khoảng cách thể hiện ở hình 1.



Hình 1. Khó khăn của sinh viên gặp phải khi chưa thành thạo KNM (n=170)

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Về sự tự tin, chỉ có 10,6% sinh viên cho biết “hoàn toàn tự tin” và 45% cho biết “tự tin” khi sử dụng KNM trong học tập, trong khi 37,6% tự đánh giá chỉ đạt mức trung bình [6]. Bên cạnh đó, sinh viên cũng cho biết các “khó khăn thường gặp khi không thành thạo KNM” như sau: có đến 105 sinh viên (61,8%) thừa nhận không tự tin khi giao tiếp và 103 sinh viên (60,6%) ngại tham gia hoạt động tập thể, chỉ có 23 sinh viên (13,5%) cho biết “không gặp khó khăn nào cả” [6]. Đây là câu hỏi sinh viên được lựa chọn nhiều phương án trả lời, vì vậy kết quả này cho thấy một sinh viên có thể cùng lúc gặp nhiều khó khăn khi tham gia học tập và rèn luyện tại Trường. Kết quả này phần nào phản ánh mức độ thành thạo KNM của sinh viên hiện nay và lý giải vì sao tỉ lệ sinh viên cảm thấy “rất tự tin” về KNM của bản thân thấp.

Kết quả xử lý số liệu định tính cũng cho thấy việc thiếu kỹ năng mềm đã gây ra một số trở ngại trong học tập, cụ thể trong hoạt động làm bài tập nhóm. Một sinh viên chia sẻ: “Có lần làm đồ án nhóm, mình không nói rõ ý tưởng nên mấy bạn hiểu sai. Cuối cùng phải làm lại mất thời gian. Lúc đó mình mới thấy giao tiếp cũng quan trọng y như viết code” (Nguồn: PVS sinh viên, Nam, CNTT, Năm 4); Một trường hợp tương tự: “Có lần làm nhóm môn Bản đồ học, lúc đó em chưa quen làm leader nên em giao việc chưa rõ ràng. Có bạn hiểu nhầm, làm sai ý nhóm luôn. Rồi deadline dí mà phải sửa lại từ đầu” (Nguồn: PVS sinh viên, Nam, Địa chất, Năm 3).

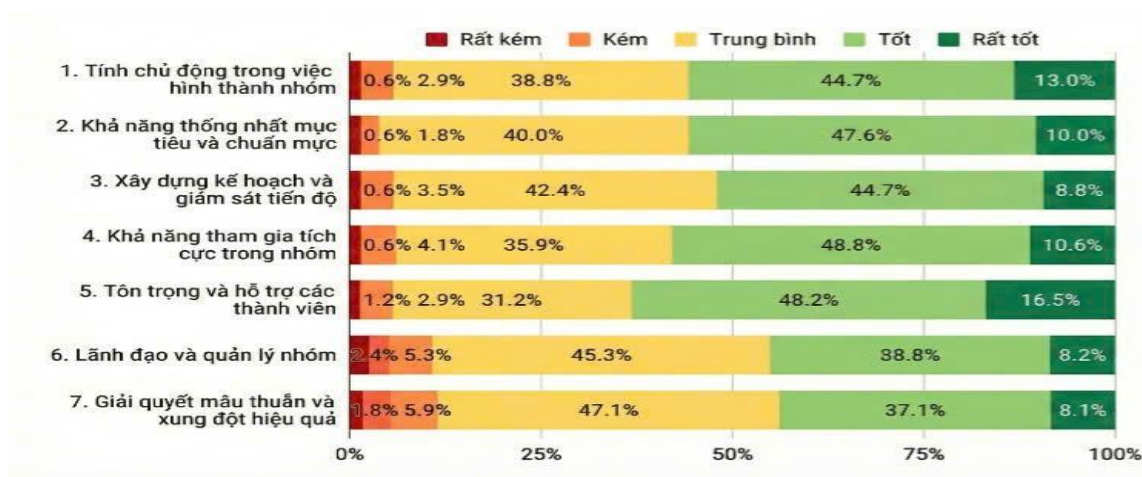
Để có cái nhìn đầy đủ hơn về thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên, nhóm nghiên cứu đã thiết kế câu hỏi cho sinh viên tự đánh giá mức độ thành thạo đối với từng nhóm kỹ năng cốt lõi như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Từ đó làm rõ hơn những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm của sinh viên hiện nay.

Kết quả xử lý số liệu định lượng cho thấy, nhìn chung kỹ năng làm việc nhóm là nhóm kỹ năng được sinh viên tự đánh giá mức độ thành thạo tốt nhất, kỹ năng giao tiếp

và kỹ năng thuyết trình chỉ ở mức trung bình hướng dần đến tốt. Tuy nhiên, đi sâu vào đánh giá từng nhóm kỹ năng cụ thể, cho thấy có sự khác nhau trong đánh giá của sinh viên ở các chỉ báo, điều này phản ánh đúng mức độ thành thạo của sinh viên ở các nhóm kỹ năng trong thực tế.

4.1.2. Mức độ thành thạo kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên

Kỹ năng làm việc nhóm (teamwork skills) được các nguồn tài liệu định nghĩa là khả năng hợp tác, phối hợp và tương tác hiệu quả giữa các thành viên trong một nhóm nhằm đạt được mục tiêu chung. Đây là một năng lực cốt lõi phản ánh mức độ thích nghi, khả năng chia sẻ trách nhiệm và cùng hướng tới kết quả chung của cả tập thể [6][7]. Trong nghiên cứu này, kỹ năng làm việc nhóm là kỹ năng sinh viên tự đánh giá có mức độ thành thạo tốt nhất trong 3 nhóm kỹ năng được khảo sát. Tuy nhiên, trong 7 chỉ báo cụ thể của kỹ năng làm việc nhóm sinh viên tự đánh giá có mức độ thành thạo khác nhau (Hình 2).



Hình 2. Đánh giá của sinh viên về mức độ thành thạo kỹ năng làm việc nhóm ($n=170$)

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Từ hình 2 có thể khái quát các điểm mạnh và điểm yếu về kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên hiện nay như sau:

Điểm mạnh: Sinh viên thể hiện rất tốt sự tôn trọng và hỗ trợ các thành viên trong nhóm (hơn 81% đạt mức tốt trở lên). Các chỉ báo về tính chủ động hình thành nhóm, thống nhất mục tiêu và tham gia tích cực cũng nhận được tỷ lệ đánh giá "tốt" và "rất tốt" chiếm ưu thế.

Điểm yếu: Năng lực lãnh đạo và quản lý nhóm, khả năng giải quyết mâu thuẫn và xung đột hiệu quả vẫn là một thách thức, thể hiện sự phân hóa rõ rệt trong việc sẵn sàng đảm nhiệm vai trò điều phối và dẫn dắt tập thể.

Đối chiếu với đánh giá của giảng viên: Giảng viên xác nhận đây là kỹ năng sinh viên đáp ứng tốt nhất, đặc biệt là tính chủ động trong việc hình thành nhóm (56,4% đánh giá mức tốt). Tuy nhiên, tương tự như tự đánh giá của sinh viên, giảng viên nhận thấy khả năng lãnh đạo nhóm và giám sát tiến độ công việc của sinh viên vẫn chủ yếu chỉ dừng lại ở mức trung bình (chiếm 56-60%) [7].

Nhìn chung, từ thông tin thu thập được có thể thấy kỹ năng làm việc nhóm là kỹ năng sinh viên tự tin nhất và đánh giá tích cực nhất và có sự tương đồng với đánh giá của giảng viên. Hơn 81% sinh viên tin rằng mình làm tốt việc tôn trọng và hỗ trợ thành viên nhóm. Dù vậy, năng lực lãnh đạo, điều phối nhóm và giải quyết mâu thuẫn nội bộ vẫn là những thách thức khiến một bộ phận sinh viên cảm thấy lúng túng.

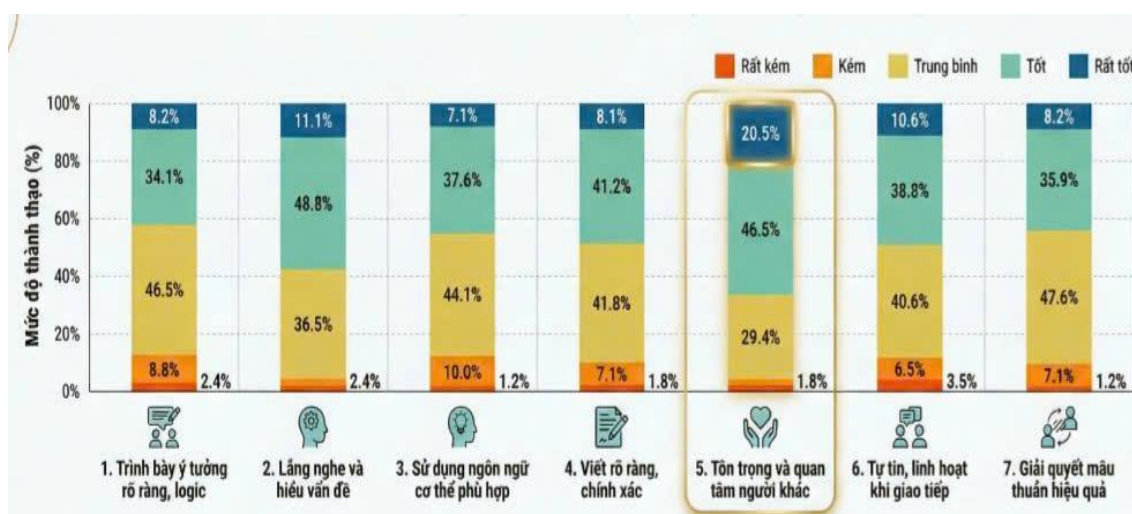
4.1.3. Mức độ thành thạo kỹ năng giao tiếp của sinh viên

Kết quả xử lý số liệu định lượng cho thấy, mức độ thành thạo của sinh viên tập trung chủ yếu ở ngưỡng "Trung bình" hướng dần đến "Tốt". Tuy nhiên, có sự phân hóa rõ rệt giữa các khía cạnh khác nhau của kỹ năng giao tiếp (Hình 3). Có thể khái quát điểm mạnh và điểm yếu của sinh viên trong kỹ năng giao tiếp cụ thể như sau:

Điểm mạnh: Khả năng thể hiện sự tôn trọng và quan tâm đối với người khác: Đây là chỉ báo có điểm số cao nhất với 114/170 sinh viên (67%) tự đánh giá ở mức "Tốt" và "Rất tốt". Khả năng lắng nghe và hiểu vấn đề: Có 102/170 sinh viên (60%) tự tin ở mức độ "Tốt" trở lên. Điều này cho thấy sinh viên có nền tảng tốt về thái độ cầu thị và kỹ năng tiếp nhận thông tin.

Điểm còn hạn chế: Khả năng giải quyết mâu thuẫn và xung đột: Đây là chỉ báo có tỉ lệ sinh viên ở mức "Trung bình" cao nhất (81 sinh viên). Chỉ có khoảng 44% sinh viên cảm thấy mình thực hiện tốt việc này. Khả năng trình bày ý tưởng mạch lạc, logic: Đây cũng là một điểm yếu khi có tới 79 sinh viên chỉ đạt mức "Trung bình" và có tỉ lệ đánh giá "Rất kém/Kém" khá cao (19 sinh viên). Khả năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể: Số lượng sinh viên tự đánh giá "Kém" ở mục này là 17 người, cho thấy sự lúng túng trong việc kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ khi giao tiếp.

Đối chiếu với đánh giá của giảng viên: Đa số giảng viên nhận định mức độ đáp ứng của sinh viên chỉ đạt ở mức trung bình. Giảng viên cũng ghi nhận điểm sáng của sinh viên là sự tôn trọng người khác, nhưng khẳng định sinh viên còn yếu trong việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể và giải quyết mâu thuẫn trực tiếp. Nhìn chung, đánh giá của giảng viên có xu hướng khắt khe hơn so với tự đánh giá của sinh viên nhưng vẫn ghi nhận tỷ lệ "tốt" cao hơn mức "kém" [7].



Hình 3. Đánh giá của sinh viên về mức độ thành thạo kỹ năng giao tiếp (n=170)

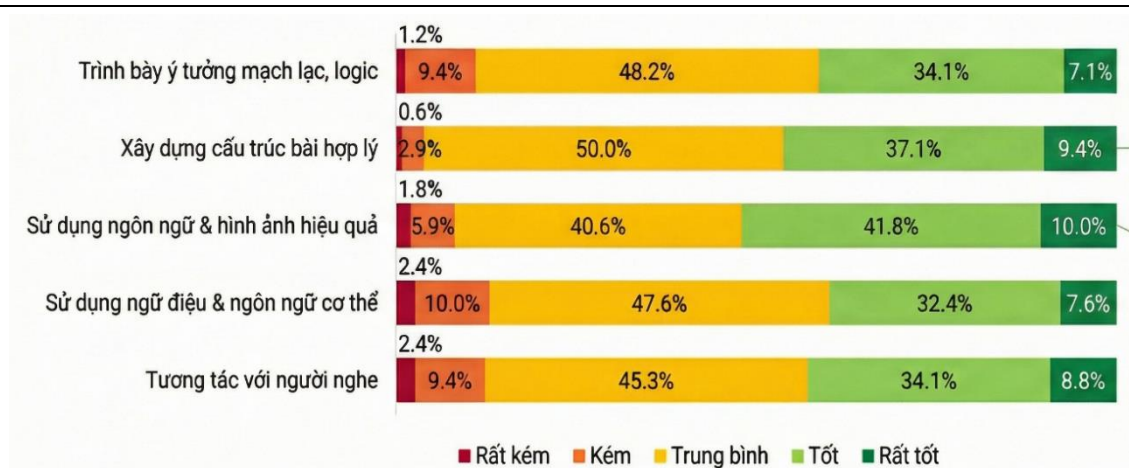
(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Từ các dữ liệu trên, có thể rút ra 3 kết luận chính về kỹ năng giao tiếp của sinh viên:

Thứ nhất, sinh viên có thế mạnh về "giao tiếp thụ động" và thái độ. Họ làm tốt việc lắng nghe và tôn trọng người đối diện, điều này tạo tiền đề tốt cho việc xây dựng các mối quan hệ. Thứ hai, sinh viên yếu về "giao tiếp chủ động" và kỹ năng xử lý tình huống khó. Việc thiếu hụt khả năng trình bày logic và giải quyết xung đột có thể gây trở ngại lớn khi làm việc nhóm hoặc trong các môi trường chuyên nghiệp đòi hỏi sự quyết đoán. Thứ ba, mặc dù số lượng sinh viên tự đánh giá "Rất kém" là rất thấp, nhưng phần lớn vẫn đang "mắc kẹt" ở mức Trung bình (chiếm khoảng 30-47% ở tất cả các chỉ báo). Điều này phản ánh nhu cầu cấp thiết trong việc đào tạo và thực hành để chuyển đổi từ nhận thức sang kỹ năng thuần thực, phù hợp với việc 118 sinh viên mong muốn cải thiện kỹ năng giao tiếp (cao nhất trong các kỹ năng) ở Hình 5.

4.1.4. Mức độ thành thạo kỹ năng thuyết trình của sinh viên

Tương tự như kỹ năng giao tiếp, mức độ thành thạo kỹ năng thuyết trình của sinh viên chủ yếu tập trung ở ngưỡng "Trung bình", chiếm tỉ lệ lớn nhất ở tất cả các chỉ báo, từ 40,6% đến 50% thể hiện ở Hình 4 dưới đây.



Hình 4. Đánh giá của sinh viên về mức độ thành thạo kỹ năng thuyết trình (n=170)

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Điểm mạnh: sinh viên cảm thấy tự tin nhất với kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh minh họa với 88/170 sinh viên (51,8%) đánh giá ở mức "Tốt" và "Rất tốt". Điều này cho thấy sinh viên có khả năng ứng dụng công nghệ và chuẩn bị tư liệu hình ảnh khá hiệu quả để hỗ trợ bài thuyết trình; Kỹ năng xây dựng cấu trúc bài thuyết trình cũng có 79/170 sinh viên (46,5%) đánh giá đạt mức "Tốt" trở lên. Sinh viên có vẻ nắm vững các bước lý thuyết để lập một dàn ý đầy đủ và hợp lý.

Điểm yếu: sinh viên đánh giá thấp nhất là kỹ năng sử dụng ngữ điệu và ngôn ngữ cơ thể, có tới 21 sinh viên (12,4%) tự nhận ở mức "Kém" và "Rất kém". Điều này phản ánh sinh viên có sự thiếu tự tin, rụt rè hoặc chưa biết cách dùng yếu tố phi ngôn ngữ để tạo sự lôi cuốn. Bên cạnh đó, sinh viên vẫn còn hạn chế "khả năng trình bày ý tưởng mạch lạc, logic". Mặc dù họ biết xây dựng cấu trúc bài (điểm mạnh ở trên), nhưng khi thực tế diễn đạt, có tới 82 sinh viên (48,2%) chỉ dừng lại ở mức "Trung bình" và 18 sinh viên đánh giá ở mức "Kém/Rất kém". Có 20 sinh viên (11,8%) đánh giá mức "Kém/Rất kém" và 45,3% đánh giá mức "Trung bình" đối với "khả năng tương tác với người nghe". Việc xử lý các tình huống phát sinh hoặc phản biện trực tiếp vẫn là một thách thức đối với gần 60% sinh viên trong nghiên cứu này.

Đối chiếu với đánh giá của giảng viên: Giảng viên đánh giá kỹ năng này của sinh viên tập trung nhiều nhất ở mức trung bình (chiếm từ 50-60% ý kiến cho các tiêu chí tương tác và quản lý thời gian). Đáng chú ý, giảng viên đánh giá cao nhất ở khả năng sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh minh họa của sinh viên (49,1% đánh giá tốt), cao hơn hẳn các tiêu chí khác. Giảng viên cũng đồng tình rằng sinh viên còn rất hạn chế trong việc sử dụng ngôn ngữ hình thể để tạo sức thuyết phục [7].

Từ các dữ liệu trên, có thể rút ra các kết luận về kỹ năng thuyết trình của sinh viên: Kỹ năng thuyết trình của sinh viên hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức "biết làm" nhưng chưa "làm hay" thể hiện ở chỗ đa số sinh viên đánh giá mức "Trung bình" cho

thấy họ có thể hoàn thành một bài thuyết trình ở mức đạt yêu cầu, nhưng thiếu sự đột phá, thu hút và tính thuyết phục chuyên nghiệp. Bên cạnh đó có sự chênh lệch giữa chuẩn bị và thể hiện: Sinh viên làm khá tốt phần chuẩn bị (cấu trúc, hình ảnh minh họa) nhưng lại lúng túng trong khâu thực hiện (ngữ điệu, ngôn ngữ cơ thể, phản biện). Điều này cho thấy tâm lý lo lắng và thiếu kinh nghiệm đứng trước đám đông. Chính vì vậy, sinh viên có nhu cầu cải thiện rất lớn đối với kỹ năng này. Phân tích này hoàn toàn phù hợp với dữ liệu tại Hình 5, khi có tới 116 sinh viên (68,2%) khẳng định kỹ năng thuyết trình là "rất cần thiết" phải cải thiện. Đây là một trong những kỹ năng có nhu cầu học tập cao nhất của nhóm sinh viên được khảo sát. Như vậy, để nâng cao năng lực này, sinh viên cần được rèn luyện thực tế nhiều hơn về kỹ năng diễn đạt trước đám đông và tâm lý tự tin thay vì chỉ chú trọng vào việc thiết kế slide hay lập dàn ý lý thuyết.

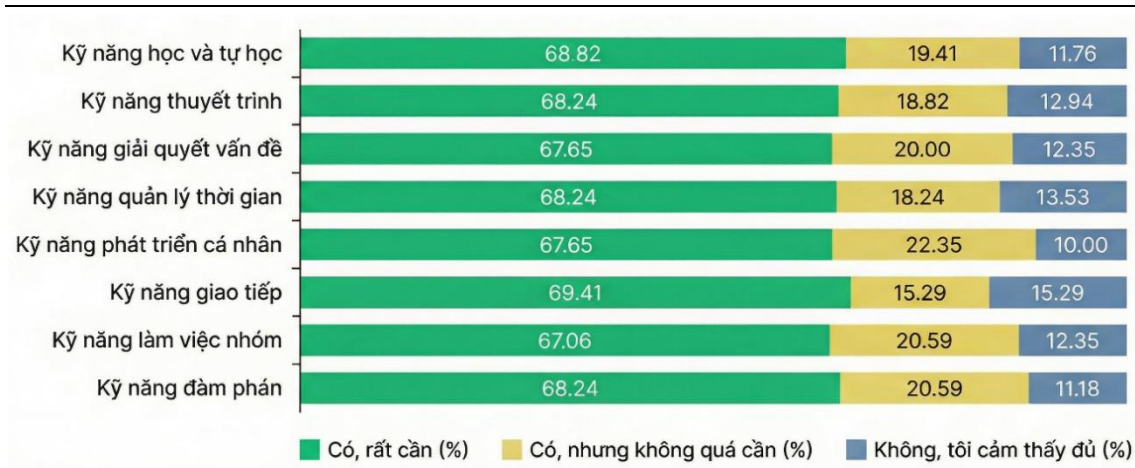
Như vậy, có thể đưa ra các kết luận về thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên hiện nay như sau:

Sinh viên Trường ĐHKH Huế đã có nền tảng kỹ năng mềm ổn định ở mức cơ bản (đặc biệt là làm việc nhóm), nhưng vẫn thiếu hụt các kỹ năng nâng cao mang tính dẫn dắt, thuyết phục và xử lý xung đột chuyên nghiệp.

Có một sự thống nhất giữa giảng viên và sinh viên về kỹ năng làm việc nhóm được đánh giá cao nhất, trong khi các khía cạnh nâng cao như giải quyết xung đột, năng lực lãnh đạo và ngôn ngữ cơ thể là những mắt xích yếu nhất. Tuy nhiên, giảng viên nhìn nhận thực trạng ở mức độ "đang hình thành" (trung bình), trong khi sinh viên có phần lạc quan hơn về sự thành thạo của mình. Cuối cùng, một con số đáng lưu ý là chỉ có khoảng 21% đến 60% sinh viên năm cuối được giảng viên đánh giá là đủ khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ năng mềm cho công việc sau khi tốt nghiệp [7].

4.2. Nhu cầu rèn luyện và nâng cao kỹ năng mềm của sinh viên

Kết quả xử lý số liệu định lượng được cho thấy một sự đồng nhất rất cao trong nhu cầu cải thiện kỹ năng của sinh viên đối với tất cả 8 nhóm kỹ năng được khảo sát. Nhìn vào hình 5 dưới đây cho thấy, tất cả 8 kỹ năng đều có tỉ lệ sinh viên lựa chọn mức "Có, rất cần thiết" vượt trên 67% (dao động từ 114 đến 118 sinh viên). Trong đó, kỹ năng giao tiếp dẫn đầu danh sách với 118 sinh viên (69,4%) đánh giá là rất cần thiết phải cải thiện. Tiếp theo là Kỹ năng học và tự học với 117 sinh viên (68,8%). Các kỹ năng khác như: thuyết trình, quản lý thời gian và đàm phán đều có cùng 116 sinh viên (68,2%) lựa chọn mức độ cấp thiết nhất. Số liệu cũng cho thấy, kỹ năng giao tiếp cũng là kỹ năng có số sinh viên cảm thấy "đủ" cao nhất (26 sinh viên - 15,3%). Điều này cho thấy một bộ phận nhỏ sinh viên đã có sự tự tin nhất định hoặc đã tham gia các hoạt động thực tế giúp họ trau dồi kỹ năng này. Ngược lại, kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp có tỉ lệ sinh viên cảm thấy "đủ" thấp nhất (chỉ 17 sinh viên - 10%), cho thấy đây là mảng kiến thức/kỹ năng mà sinh viên cảm thấy mình còn thiếu hụt thông tin và lộ trình rõ ràng nhất.



Hình 5. Các kỹ năng mềm sinh viên mong muốn cải thiện (n=170)

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Từ các dữ liệu này, chúng ta có thể rút ra các kết luận chính như sau:

Sinh viên nhận thức rất cao về tầm quan trọng của kỹ năng mềm. Sinh viên ý thức rõ rệt rằng những gì họ đang có chưa đủ để đáp ứng yêu cầu công việc và cuộc sống. Việc gần 70% sinh viên có nhu cầu cải thiện ở cả 8 kỹ năng mà nhóm khảo sát đưa ra cho thấy một "con khát" kỹ năng thực tế rất lớn;

Sinh viên có nhu cầu đào tạo kỹ năng mang tính toàn diện. Sinh viên không chỉ tập trung vào một kỹ năng duy nhất mà muốn hoàn thiện đồng bộ cả nhóm kỹ năng tương tác (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, đàm phán) lẫn nhóm kỹ năng tự duy/quản trị bản thân (tự học, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian).

Kết quả này một lần nữa cho thấy sự phù hợp giữa tự đánh giá năng lực (thực trạng) và nhu cầu của sinh viên. Kết quả ở hình 5 giải thích lý do tại sao ở hình 2, hình 3 và hình 4, phần lớn sinh viên chỉ tự đánh giá mình ở mức "Trung bình". Chính vì nhận thấy năng lực thực tế còn hạn chế, họ đã thể hiện khao khát được đào tạo sâu hơn để nâng cao trình độ.

Kết quả này là minh chứng thực tế mạnh mẽ nhất cho việc cần thiết phải duy trì, đổi mới và nâng cao chất lượng học phần Kỹ năng mềm trong nhà trường để đáp ứng kỳ vọng của người học.

Sinh viên không chỉ có nhu cầu học mà còn có những kỳ vọng rất cụ thể về cách thức tổ chức đào tạo để đạt hiệu quả cao nhất. Khảo sát ý kiến sinh viên về các yếu tố đem lại hiệu quả khóa học KNM cho kết quả bảng 1 dưới đây:

Bảng 1. Tỷ lệ đánh giá của sinh viên về các yếu tố đem lại hiệu quả khóa học KNM

TT	Yếu tố đem lại hiệu quả khóa học kỹ năng mềm	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nội dung khóa học thực tế, sát với nhu cầu	127	74,7
2	Giảng viên có kinh nghiệm và truyền cảm hứng	126	74,1

3	Phương pháp giảng dạy tương tác, thực hành nhiều	124	72,9
4	Thời gian học phù hợp và linh hoạt	89	52,4
5	Sự chủ động và ý thức học tập của người học	102	60,0

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Dữ liệu bảng 1 cho thấy: “*Nội dung thực tế và chất lượng giảng viên*” là hai yếu tố hàng đầu được sinh viên kỳ vọng, với tỉ lệ lựa chọn xấp xỉ nhau (lần lượt là 74,7% và 74,1%); “*phương pháp giảng dạy tương tác, thực hành nhiều*” cũng nhận được sự quan tâm rất lớn (72,9%), cho thấy sinh viên không còn mặn mà với lối học lý thuyết một chiều; dù thấp hơn các yếu tố khách quan, nhưng có tới 60% sinh viên tự ý thức được rằng sự chủ động của bản thân là yếu tố then chốt để khóa học đạt hiệu quả.

Kết quả thu thập thông tin từ 55 giảng viên của Trường cũng cho thấy giảng viên nhận thức rõ tầm quan trọng của bản thân trong việc đồng hành phát triển KNM của sinh viên ở môi trường Đại học. Giảng viên tin rằng chính họ là những người tạo ra môi trường học tập hiệu quả để sinh viên phát triển KNM. Kết quả khảo sát cho thấy có tới 89,1% giảng viên khẳng định phương pháp giảng dạy của mình có ảnh hưởng từ “nhiều” đến “rất nhiều” đối với sự phát triển KNM của người học. Thay vì chỉ là người truyền thụ tri thức thuần túy, 80% giảng viên cho rằng họ cần đóng vai trò là người hỗ trợ, hướng dẫn và đồng hành cùng sinh viên trong suốt tiến trình học tập. Vai trò này bao gồm việc khích lệ, tạo động lực và xây dựng bầu không khí lớp học dân chủ để sinh viên dám bày tỏ quan điểm cá nhân. Đa số giảng viên (89,1%) đồng thuận rằng KNM không nên tách rời mà phải được lồng ghép trực tiếp vào nội dung và phương pháp giảng dạy các học phần chuyên ngành. Họ nhận thức trách nhiệm của mình trong việc đưa ra các yêu cầu rõ ràng về KNM trong bài tập và cung cấp phản hồi cụ thể về những hạn chế, điểm yếu để sinh viên kịp thời khắc phục.

Như vậy, giảng viên tự xác định mình không chỉ là người dạy mà còn là người kích hoạt tư duy và kiến tạo môi trường trải nghiệm, đóng vai trò quyết định trong việc thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết kỹ năng và năng lực thực hành thực tế của sinh viên.

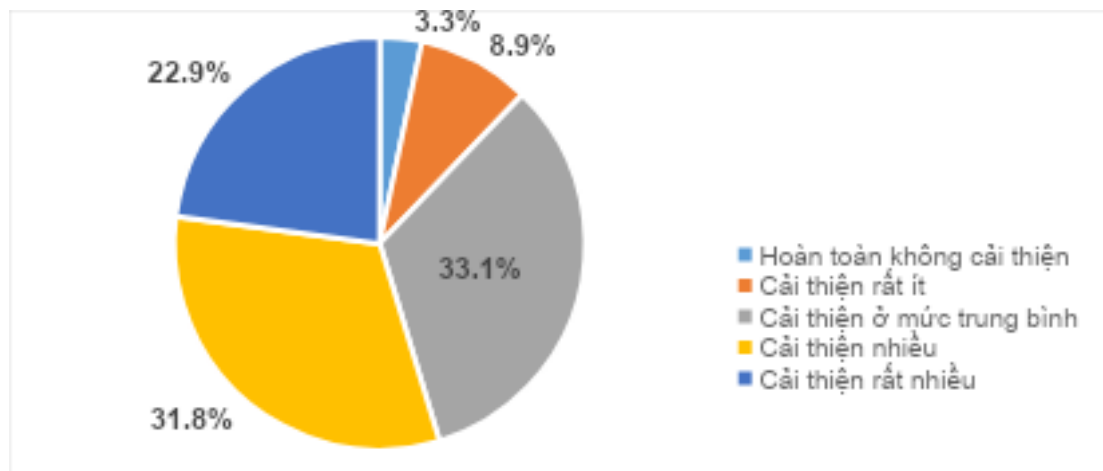
Tóm lại, nhu cầu rèn luyện KNM của sinh viên Trường ĐHKH Huế hiện nay mang tính chủ động và thiết thực. Họ đề cao tính ứng dụng, mong muốn một môi trường học tập tương tác cao và sẵn sàng đầu tư thời gian, công sức để hoàn thiện bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động.

4.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên

Bên cạnh việc tìm hiểu nhu cầu rèn luyện KNM của sinh viên, nhóm nghiên cứu cũng tìm hiểu các giải pháp nâng cao hiệu quả rèn luyện KNM cho sinh viên thông qua đánh giá của sinh viên về hiệu quả của học phần KNM đang được giảng dạy tại Nhà trường; vai trò của giảng viên và Nhà trường cũng như những cách thức rèn luyện KNM

mà sinh viên đang thực hành hiệu quả từ đó có các đề xuất phù hợp giúp sinh viên nâng cao KNM.

Kết quả xử lý số liệu định lượng cho thấy, trong số 170 sinh viên tham gia khảo sát có 123 sinh viên (72,4%) đã hoàn thành học phần KNM và đạt kết quả cao (điểm A và B), chỉ có 08 sinh viên (4,7%) đạt điểm C, D; có 26 sinh viên đang học học phần KNM tại thời điểm tham gia khảo sát và 13 sinh viên chưa học. Như vậy, có 131 sinh viên đã hoàn thành học phần và đa số sinh viên đạt kết quả về điểm số khá cao, tuy nhiên khi sinh viên tự đánh giá về mức độ cải thiện KNM sau khi kết thúc học phần, kết quả không đồng nhất với điểm số thể hiện ở Hình 6 dưới đây.



Hình 6. Đánh giá của sinh viên về mức độ cải thiện KNM sau khi hoàn thành học phần KNM trong chương trình đào tạo (n=131)

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Nhìn vào Hình 6 cho thấy, chỉ có khoảng gần 55% sinh viên cho biết “cải thiện nhiều và rất nhiều” về KNM sau khi hoàn thành học phần, 33,1% “cải thiện ở mức trung bình”, có đến 8,9% cải thiện ít và 3,3% trả lời “hoàn toàn không cải thiện”. Dữ liệu này cho thấy, sinh viên đạt điểm cao trong học phần không đồng nghĩa với việc sinh viên có sự cải thiện nhiều về KNM trong thực tế. Kết quả từ các cuộc phỏng vấn sâu (PVS) cho thấy, sinh viên vẫn đánh giá cao học phần KNM trong chương trình đào tạo, tuy nhiên họ kỳ vọng nhiều hơn ở học phần này khi mong muốn có thêm nhiều giờ thực hành để được rèn luyện KNM chứ không phải tập trung cho việc học lý thuyết. Một sinh viên chia sẻ: “Mình chỉ thích các tiết học thực hành. Kiểu như chia nhóm, xử lý tình huống, chơi game tình huống ấy. Các tiết học thực hành giúp mình cải thiện kỹ năng vì phải thực sự làm việc cùng các bạn. Chứ học KNM mà phải ngồi nghe giảng lý thuyết suốt thì chán, dễ ngủ lắm chẳng thay đổi được gì.” (Nguồn: PVS_sinh viên, nam, CNTT, năm 4). Bên cạnh đó, có sinh viên còn nhận định rằng: “...ngoài việc bản thân nỗ lực học tập thì việc chọn được thầy cô giảng dạy KNM tâm huyết, có khả năng truyền cảm hứng cho sinh viên cũng rất quan trọng, mình may mắn vì gặp được thầy cô như thế do mình có tìm hiểu trước và chọn (cười), còn bạn mình không

may mắn (do nó không tìm hiểu mà chọn đại) nên học xong mà vẫn không biết cách thuyết trình...” (Nguồn: PVS sinh viên, nữ, Báo chí, Năm 2)

Khi được hỏi về việc “Nhà trường và giảng viên có thể làm gì để nâng cao KNM cho sinh viên?” kết quả thu được từ các cuộc PVS sinh viên cho thấy sinh viên không chỉ kỳ vọng ở học phần KNM mà còn mong muốn KNM được lồng ghép vào các học phần chuyên ngành để sinh viên có nhiều cơ hội thực hành KNM.

Hộp 1. Mong muốn của sinh viên về sự hỗ trợ của Nhà trường và giảng viên

“Em mong giảng viên sẽ lồng ghép kỹ năng mềm vào bài học nhiều hơn, như cho làm nhóm, cho phản biện, thuyết trình... Còn nhà trường thì... nếu có thể tổ chức mấy buổi workshop chuyên ngành á, ví dụ như kỹ năng giao tiếp với đối tác, hoặc kỹ năng viết email công việc thì quá tốt luôn.” (Nguồn: PVS sinh viên, Nam, CNTT, Năm 3).

“Em mong thầy cô có thể cho tụi em làm bài tập nhóm, thuyết trình, hoặc lồng ghép kỹ năng vào môn học chuyên ngành á. Còn nhà trường thì nếu tổ chức thêm nhiều workshop, mời chuyên gia về nói chuyện thì tụi em học được thực tế hơn.” (Nguồn: PVS sinh viên, Nữ, Báo chí, Năm 2).

“Mình nghĩ giảng viên có thể cho tụi mình làm nhiều dự án nhóm, thuyết trình, trao đổi nhóm. Còn trường thì nếu có thể, khi tổ chức các sự kiện cho sinh viên tham gia tổ chức cùng sẽ rèn luyện rất nhiều.” (Nguồn: PVS sinh viên, Nam, CNTT, Năm 4).

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Để phát triển KNM, sinh viên không chỉ tham gia một khóa học là đủ mà đó là cả quá trình rèn luyện từ những hoạt động học tập trong chương trình đào tạo và tham gia các hoạt động câu lạc bộ, đội nhóm tại Trường, địa phương...điều này đòi hỏi sự chủ động và nỗ lực đều đặn của sinh viên. Kết quả xử lý số liệu định lượng từ khảo sát sinh viên và giảng viên đều cho thấy một trong những cách thức rèn luyện KNM hiệu quả được đánh giá cao nhất là *“tích cực tham gia hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, đội nhóm...”* với 128/170 lựa chọn từ sinh viên (chiếm 75,3%) và 49/55 lựa chọn từ giảng viên (chiếm 89,1%). Thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu sinh viên dưới đây đã lý giải được tại sao việc tham gia các câu lạc bộ tại Trường giúp cho sinh viên phát triển KNM của bản thân:

Hộp 2. sinh viên chia sẻ cách thức rèn luyện KNM hiệu quả

“Mình tham gia CLB Văn học từ năm nhất, rồi làm MC cho mấy chương trình của khoa, có khi đi dẫn sự kiện lớn của trường luôn. Mỗi lần vậy là xài kỹ năng mềm hết công suất luôn.” (Nguồn: PVS – sinh viên Nữ, Văn học, năm 4).

“Em tham gia CLB Truyền thông với mấy chương trình tình nguyện nữa. Trong mấy hoạt động đó thì em hay dùng nhất là kỹ năng giao tiếp với làm việc nhóm. À, còn thuyết trình nữa, vì tụi em hay phải báo cáo dự án hay tổ chức sự kiện nè.” (Nguồn: PVS – sinh viên Nữ,

Báo chí, năm 2).

“Tham gia CLB là một. Làm thêm, rồi tham gia tình nguyện nữa. Máy cái đó giúp mình giao tiếp nhiều, biết cách xử lý khi gặp tình huống bất ngờ.” (Nguồn: PVS – sinh viên Nam, CNTT, năm 4).

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu khảo sát năm 2025)

Từ kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu, có thể thấy rằng để nâng cao KNM cho sinh viên không thể chỉ dựa vào một phương pháp đơn lẻ mà cần kết hợp linh hoạt nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, những cách thức mang tính thực tiễn, gắn với trải nghiệm cá nhân và môi trường thực tế như tham gia câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa, tình nguyện, làm thêm, và các dự án học tập nhóm được đánh giá có tính hiệu quả cao. Quan trọng hơn cả, quá trình rèn luyện KNM cần có kế hoạch hành động cụ thể và sự chủ động từ người học. Sự đồng hành từ phía nhà trường, giảng viên và các tổ chức hỗ trợ cũng đóng vai trò then chốt trong việc tạo ra môi trường thuận lợi, thúc đẩy động lực và cung cấp cơ hội để sinh viên thực hành kỹ năng. Như vậy, để phát triển và nâng cao KNM một cách hiệu quả và bền vững, sinh viên cần kết hợp giữa sự chủ động cá nhân và sự hỗ trợ hệ thống, đồng thời ưu tiên các hình thức học tập trải nghiệm, ứng dụng và tương tác thực tế.

5. KẾT LUẬN

Kỹ năng mềm đóng vai trò then chốt, quyết định đến rất lớn đến khả năng thích nghi và thành công của sinh viên trong môi trường làm việc hiện đại. Tại Trường ĐHKH Huế, đa số sinh viên đã có nhận thức tích cực và đúng đắn về tầm quan trọng cũng như bản chất của các kỹ năng thực hành xã hội. Mặc dù vậy, mức độ thành thạo thực tế vẫn chưa đồng đều, trong đó kỹ năng làm việc nhóm được đánh giá tốt nhất còn kỹ năng thuyết trình vẫn ở mức trung bình. Sinh viên hiện còn gặp nhiều hạn chế trong năng lực lãnh đạo, giải quyết xung đột và sử dụng ngôn ngữ cơ thể khi giao tiếp. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có nhu cầu cải thiện KNM rất lớn, đa số sinh viên mong muốn được cải thiện toàn diện các nhóm kỹ năng tương tác và quản trị bản thân.

Để nâng cao KNM cho sinh viên, Nhà trường cần duy trì học phần KNM như hiện nay theo hướng tăng thời lượng cho các giờ học thực hành, đồng thời tích hợp KNM vào chương trình đào tạo một cách hệ thống và gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Đội ngũ giảng viên không chỉ đóng vai trò là người đồng hành, truyền cảm hứng mà còn cần thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy tạo môi trường sinh viên thực hành, tương tác. Về phía người học, sự chủ động nhận thức và tích cực tham gia vào các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ... là yếu tố quyết định sự thành công của quá trình rèn luyện, phát triển và nâng cao KNM. Sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà trường, giảng viên và sinh viên sẽ giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và năng lực

thực hành thực tế. Như vậy, việc đầu tư bài bản cho KNM là hướng đi tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh cho nguồn nhân lực tương lai của Trường ĐHKH Huế trên thị trường lao động 4.0 đầy biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Ngọc Cẩm và cộng sự (2023). Thực trạng nhu cầu sử dụng cảm nang kỹ năng xã hội của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TP.HCM. *Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TPHCM*, 20 (2).
- [2] Đoàn Thị Huệ Dung, Nguyễn Như Tùng (2022). Phát triển kỹ năng cho sinh viên đại học trong bối cảnh đại dịch Covid-19. *Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*.
- [3] Nguyễn Tư Hậu (2014). Nhu cầu và thực trạng học tập kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế. Luận văn thạc sỹ Xã hội học, *Trường Đại học KHXH&VN Hà Nội*.
- [4] Phạm Thị Quyên (2020). Giải pháp nâng cao hiệu quả rèn kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, Số 15.
- [5] Huỳnh Văn Sơn (2019). Đánh giá về thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TPHCM*, 16 (1).
- [6] Hoàng Hiệp Sỹ (2025). Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế hiện nay. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Xã hội học, Trường ĐHKH, ĐHH.
- [7] Nguyễn Anh Thư (2025). Đánh giá của giảng viên về thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế hiện nay. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Xã hội học, ĐHKH, ĐHH.
- [8] Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Ngọc Anh (2019). Định hướng bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên trong cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 tại Trường Đại học Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường ĐH Thủ đô Hà Nội*, Số 30.
- [9] Nguyễn Thị Huyền Trang và cộng sự (2022). Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. *Tạp chí Giáo dục*, 22 (7).
- [10] Nguyễn Thị Tú Trinh (2023). Trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học Quảng Nam – Yếu tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững của giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học – Đại học Quảng Nam*.

STUDENTS' PERCEPTIONS, COMPETENCIES, AND TRAINING NEEDS IN SOFT SKILLS AT THE UNIVERSITY OF SCIENCE, HUE UNIVERSITY

Nguyen Tu Hau

Faculty of Sociology and Social Work, University of Sciences, Hue University

Email: tuhauxhh@husc.edu.vn

ABSTRACT

This study investigates the perceived importance, actual competencies, and training needs related to soft skills among students at the University of Science, Hue University, based on survey data collected from 170 students and 55 lecturers in 2025. The findings indicate that while a large majority of students recognise the importance of soft skills (96.5%), their actual proficiency remains limited and uneven across skill domains. Students reported relatively higher competence in teamwork, whereas their skill in communication, presentation, and conflict resolution were assessed at a moderate level. Notably, the proportion of students who feel confident in their own abilities remains low. Approximately 70% of respondents indicated a need for more structured and comprehensive training in soft skills. Based on these findings, the study proposes several implications for universities and lecturers to enhance students' social competencies and labour market readiness.

Keywords: Soft skills, student competencies, training needs, higher education.